

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15/12/2020

*“Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con,*

*Phân chia tài sản chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Hà Ngân

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1) Bà Hoàng Mai Thu

2) Bà Lê Thị Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thê - Thư ký Tòa án

- *Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm

- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2020, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, phân chia tài sản chung”*, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc A, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn 01, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

2. *Bị đơn có yêu cầu phản tố:* Anh Lê Minh L, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn 01, xã Tâm T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn:* Bà Đặng Thanh Q – Luật sư

Nơi công tác: Văn phòng Luật sư Đ – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

4. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: Số x - N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Đình L – Trưởng phòng Giao dịch C. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc A trình bày:

*Về hôn nhân:* Chị kết hôn cùng anh L vào năm 2003, hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Thời gian đầu Chị và anh L chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên bất đồng quan điểm sống, anh L thậm chí đánh chị. Từ tháng 9/2019, Chị và anh L đã sống ly thân cho đến nay. Do tình cảm không còn, vợ

chồng không thể tiếp tục chung sống, nên Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh L.

*Về con chung:* Chị và anh L có 02 con chung là cháu Lê Minh S, sinh ngày 02/12/2003 và cháu Lê Thị Thanh X, sinh ngày 10/9/2012, Hiện cháu S đang do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu X đang do Chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu X, đồng ý cho anh L trực tiếp nuôi cháu S, và không yêu cầu giải quyết vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị không yêu cầu giải quyết

- *Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết tại toà án, bị đơn anh Lê Minh L trình bày:*

Anh thừa nhận việc kết hôn đúng như chị A đã trình bày, tuy nhiên nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị A có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Trước yêu cầu khởi kiện của chị A, Anh đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Anh yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị A phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, lý do là do Anh có công việc và thu nhập ổn định, còn chị A thì không có

*Về tài sản chung:* Quá trình giải quyết, Anh có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung và nợ chung. Về tỷ lệ chia, Anh yêu cầu được hưởng bảy phần, chị A hưởng ba phần, lý do là Anh có công sức đóng góp nhiều hơn, về nợ chung yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Khối tài sản chung gồm:

1) Thửa đất số 8x, tờ bản đồ số z, diện tích 3.100m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 667xx do UBND thành phố B cấp ngày 19/8/2011 và đã được cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 26/12/2012 mang tên anh L

2) Thửa đất số 90x, tờ bản đồ số z, diện tích 4.020m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 677xx do UBND thành phố B cấp ngày 19/8/2011 và đã được cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 26/12/2012 mang tên anh L

3) Thửa đất số 11x, tờ bản đồ số y, diện tích 447m<sup>2</sup>, địa chỉ tại xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 221xxx do UBND huyện C cấp ngày 26/12/2017, mang tên anh L và chị A

4) Thửa đất số 1x, tờ bản đồ số y, diện tích 1.407,6m<sup>2</sup>, địa chỉ tại xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 413xxx do UBND huyện C cấp ngày 23/12/2013, mang tên anh L và chị A

*Về nợ chung:* Nợ Ngân TMCP S số tiền 240.000.000đ, bảo đảm cho hai khoản vay là hai tài sản thửa đất số 8x, tờ bản đồ số z, và thửa đất số 90x, tờ bản đồ số z, địa chỉ các thửa đất tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP S trình bày ý kiến:

Ngày 23/01/2019, anh L và chị A đã có thoả thuận vay tại Ngân hàng TMCP S khoản tiền 240.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng theo hợp đồng tín dụng số LD 1901800xxx. Bảo đảm cho khoản vay trên gồm các tài sản đúng như anh L đã trình bày, theo hợp đồng thế chấp số 31x/17/TCCJ ngày 11/9/2017 và thoả thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 0x/03/TCCJ ngày 23/01/2019

Ngoài ra ngày 20/01/2019, chị A còn có thoả thuận vay số tiền 30.000.000đ theo hợp đồng tín dụng LD 1902800xxx

Hiện nay các khoản nợ đã quá hạn, vì vậy yêu cầu chị A, anh L phải trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã được ký kết. Trường hợp anh L, chị A không trả được nợ, yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp thông qua Chi cục Thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

Tại phiên toà, chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con chung

Về phần tài sản và nợ chung: Chị thừa nhận, hai thửa đất tại xã H, thành phố B, chị và anh L đã cùng Ngân hàng TMCP S thoả thuận chuyển nhượng cho người khác và đã trả nợ xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng S. Tài sản chung vợ chồng chỉ còn hai thửa đất tại xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Về nguồn gốc chị A thừa nhận, thửa đất số 1x, tờ bản đồ số y là bố mẹ anh L tặng cho, nhưng việc cho là cho chung hai vợ chồng, chị cũng có công sức tôn tạo phát triển ngang bằng anh L. Còn thửa số 11x, tờ bản đồ số y, là do hai vợ chồng cùng nhận chuyển nhượng, công sức ngang nhau, chị yêu cầu chia theo tỷ lệ 50/50. Về giá trị tài sản tranh chấp và phương thức chia, chị cho rằng theo thị trường hiện nay, giá của thửa đất số 11x, tờ bản đồ số y là 660.000.000đ (110.000.000đ/m ngang). Còn giá của thửa đất số 1x, tờ bản đồ số y là 100.000.000đ/1000m<sup>2</sup>. Chị yêu cầu toà án cho hai bên tự chuyển nhượng và chia bằng tiền.

Anh L chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A

Về con chung, anh L thừa nhận chị A là người nuôi cháu X hai năm nay, tuy nhiên hiện nay anh là người có thu nhập ổn định hơn, nên anh yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị A phải chịu nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung, ngày 01/12/2020, anh đã rút một phần yêu cầu phản tố đối với việc giải quyết vấn đề nợ chung và tài sản chung liên quan đến hai thửa đất tại xã H, thành phố B, vì các bên đã thoả thuận chuyển nhượng trả nợ xong cho Ngân hàng.

Đối với hai thửa đất còn lại là thửa đất số 11x, tờ bản đồ số y, diện tích 447m<sup>2</sup>, và thửa đất số 1x, tờ bản đồ số y, diện tích 1.407,6m<sup>2</sup>, địa chỉ tại xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông

+ Về phương thức phân chia, anh yêu cầu được chia bằng quyền sử dụng đất

+ Về tỉ lệ phân chia: Anh yêu cầu được hưởng bảy phần, chị A hưởng ba phần, lý do bố mẹ anh tặng cho, anh có công sức nhiều đóng góp nhiều hơn vì anh có thu nhập ổn định hàng tháng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn bà Đặng Thanh Q trình bày quan điểm:* Các yêu cầu phản tố và ý kiến của anh L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Ngân hàng TMCP S ngày 01/12/2020 có văn bản xác nhận: Anh L và chị A đã trả xong toàn bộ các khoản nợ, vì vậy phía Ngân hàng không có yêu cầu, ý kiến gì nữa trong vụ án này.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:*

+ *Về tố tụng:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, hòa giải, xét xử, Nguyên đơn, Bị đơn và đã nghiêm túc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về Tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

+ *Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định pháp luật, về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, về con chung giao cháu X cho chị A, cháu S cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng như tình trạng hiện nay là hợp lý, về tài sản chung, giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật:* Chị A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông giải quyết việc ly hôn với anh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, phân chia tài sản chung”.

[2]. *Về việc rút một phần yêu cầu phản tố của bị đơn anh L:* Việc rút yêu cầu của anh L là tự nguyện, phù hợp với điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên cần chấp nhận.

[3]. *Về nội dung yêu cầu của đương sự:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị A và anh L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2003, vì thế quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo chị A và anh L có cuộc sống chung thời gian đầu là hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, quản lý kinh tế gia đình. Từ tháng 9/2019, Chị A thuê nhà trọ sống riêng, vợ chồng ly thân cho đến nay. Vì tình cảm không còn, chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Anh L chấp nhận ly hôn.

Vì các bên đã thừa nhận tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân đã lâu, đều chấp nhận ly hôn, Tòa án đã tổ chức hoà giải nhiều lần nhưng các bên không đoàn tụ, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị A là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Chị A và anh L có 02 con chung, cháu S đang do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu X đang do chị A trực tiếp nuôi dưỡng, HĐXX thấy việc để anh L và chị A tiếp tục nuôi con như tình trạng hiện tại là hợp lý. Các bên không yêu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét thêm.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh L đều thừa nhận, nguồn gốc thửa 1x, tờ bản đồ số y là do bố mẹ anh L tặng cho chung, thửa đất số 11x, tờ bản đồ số y do vợ chồng cùng nhận chuyển nhượng, nên tài sản chung vợ chồng hiện còn bao gồm:

\* Thửa đất số 1x, tờ bản đồ số y, địa chỉ tại thôn 01, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông; thửa đất có tứ cận:

- + Cạnh đông dài 33,86m, giáp đất bà Th
- + Cạnh tây dài 30,21m, giáp đất ông C
- + Cạnh nam rộng 49,11m, giáp đường đất
- + Cạnh bắc rộng 44,73m, giáp đất ông H

Tổng diện tích: 1.403m<sup>2</sup>

- Tài sản trên thửa đất số 1x, tờ bản đồ số y:

+ 01 nhà xây cấp 04 có kết cấu móng đá học, nền xi măng, lợp ngói, tường xây gạch ống, diện tích sử dụng là 56,25m<sup>2</sup>

+ 01 nhà bếp khung cột gỗ, móng đá học, nền xi măng, tường gạch, mái lợp ngói, diện tích sử dụng 26,25m<sup>2</sup>

+ Một mái tre khung gỗ, mái lợp tôn, diện tích 28m<sup>2</sup>

+ 01 chuồng heo, móng đá học, nền xi măng, tường gạch ống, mái lợp tôn, diện tích sử dụng 22,5m<sup>2</sup>

+ 01 sân xi măng, diện tích 123,5m<sup>2</sup>

+ 01 hàng rào B40, trụ gỗ, dài 38m

(Nhà và các công trình phụ được xây dựng từ năm 2003)

Ngoài ra trên đất có 01 cột điện số 473 CJU thuộc công trình đường điện 110KV quốc gia, nằm hướng đông thửa đất, thuộc quyền quản lý của Nhà nước.

- Về cây trồng trên thửa đất 1x, tờ bản đồ số y:

+ Cây lấy gỗ: 24 cây keo trồng năm 2003; 01 cây bạch đàn trồng năm 2015.

+ Cây ăn quả: 01 cây ổi trồng năm 2015.

+ Cây cảnh: 05 cây cau cảnh trồng năm 2010; 01 cây sung trồng năm 2015; 02 cây hoa giấy; 01 cây si; 01 cây xương rồng.

\* Thửa đất số 11x, tờ bản đồ số y, địa chỉ tại thôn 01, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông; thửa đất có tứ cận:

+ Cạnh đông rộng 06m, giáp đất nhà thờ thánh mẫu

+ Cạnh tây rộng 06m, giáp đường bê tông

+ Cạnh nam dài 74,87m, giáp đất ông Th, bà Tr

+ Cạnh bắc dài 74,2m, giáp đất bà Kh, ông Đ

Tổng diện tích: 446m<sup>2</sup>

- Tài sản trên thửa đất số 11x, tờ bản đồ y gồm: 05 cây sầu riêng năm thứ 7 và 01 cây mai năm thứ 5

(Toàn bộ tài sản tranh chấp đã được thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/01/2002, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 06/3/2020 và kết quả đo đạc hiện trạng các thửa đất ngày 13/5/2020 kèm theo)

[4]. Về giá trị tài sản tranh chấp: Chị A cho rằng giá trị hiện tại là cao hơn giá trị được định giá tại toà án ngày 03/6/2020, tuy nhiên chị A không chấp nhận việc định giá lại nên HĐXX không có căn cứ để xem xét ý kiến trên của chị A. Kết quả định giá tại toà án ngày 03/6/2020 có giá trị pháp luật.

[5]. Về phương thức chia: Chị A yêu cầu để hai bên cùng chuyển nhượng toàn bộ tài sản chung hiện còn và chia đôi khoản tiền, HĐXX thấy yêu cầu trên không có cơ sở để chấp nhận. Vì anh L vẫn muốn sử dụng còn chị A không còn nhu cầu sử dụng, nên HĐXX thấy giao toàn bộ tài sản cho anh L, anh L phải thanh toán lại giá trị tài sản tranh chấp cho chị A. HĐXX xác định công sức hai bên là ngang nhau.

[6]. Về án phí và chi phí tố tụng: Chị A và anh L mỗi bên phải chịu theo quy định của pháp luật

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 213; Điều 219; Điều 220 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 56; Điều 58; Điều 59; Điều 62; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu phản tố của anh L.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của anh L phân chia tài sản chung đối với:

+ Thửa đất số 8x, tờ bản đồ số z, diện tích 3.100m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 667xx do UBND thành phố B cấp ngày 19/8/2011 và đã được cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 26/12/2012 mang tên anh L

+ Thửa đất số 90x, tờ bản đồ số z, diện tích 4.020m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 677xx do UBND thành phố B cấp ngày 19/8/2011 và đã được cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 26/12/2012 mang tên anh L

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị A được ly hôn với anh L

2.2. Về con chung: Giao cháu X, sinh ngày 10/9/2012 cho chị A, giao cháu S, sinh ngày 02/12/2003 cho anh L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi).

Trong trường hợp các bên không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bên kia có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn mà không ai được quyền cản trở.

2.3. *Về tài sản chung:* Anh L được quyền sử dụng theo quy định pháp luật quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với:

2.3.1. Thửa đất số 1x, tờ bản đồ số y, địa chỉ tại thôn 01, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông; thửa đất có tứ cận:

- + Cạnh đông dài 33,86m, giáp đất bà Th
- + Cạnh tây dài 30,21m, giáp đất ông C
- + Cạnh nam rộng 49,11m, giáp đường đất
- + Cạnh bắc rộng 44,73m, giáp đất ông H

Tổng diện tích: 1.403m<sup>2</sup>

- Tài sản trên thửa đất số 1x, tờ bản đồ số y:

+ 01 nhà xây cấp 04 có kết cấu móng đá học, nền xi măng, lợp ngói, tường xây gạch ống, diện tích sử dụng là 56,25m<sup>2</sup>

+ 01 nhà bếp khung cột gỗ, móng đá học, nền xi măng, tường gạch, mái lợp ngói, diện tích sử dụng 26,25m<sup>2</sup>

+ Một mái tre khung gỗ, mái lợp tôn, diện tích 28m<sup>2</sup>

+ 01 chuồng heo, móng đá học, nền xi măng, tường gạch ống, mái lợp tôn, diện tích sử dụng 22,5m<sup>2</sup>

+ 01 sân xi măng, diện tích 123,5m<sup>2</sup>

+ 01 hàng rào B40, trụ gỗ, dài 38m

(Nhà và các công trình phụ được xây dựng từ năm 2003)

Ngoài ra trên đất có 01 cột điện số 473 CJU thuộc công trình đường điện 110KV quốc gia, nằm hướng đông thửa đất thuộc quyền quản lý của Nhà nước.

- Về cây trồng trên thửa đất 1x, tờ bản đồ số y:

+ Cây lấy gỗ: 24 cây keo trồng năm 2003; 01 cây bạch đàn trồng năm 2015.

+ Cây ăn quả: 01 cây ổi trồng năm 2015.

+ Cây cảnh: 05 cây cau cảnh trồng năm 2010; 01 cây sung trồng năm 2015; 02 cây hoa giấy; 01 cây si; 01 cây xương rồng.

2.3.2. Thửa đất số 11x, tờ bản đồ số y, địa chỉ tại thôn 03, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông; thửa đất có tứ cận:

+ Cạnh đông rộng 06m, giáp đất nhà thờ thánh mẫu

+ Cạnh tây rộng 06m, giáp đường bê tông

+ Cạnh nam dài 74,87m, giáp đất ông Th bà Tr

+ Cạnh bắc dài 74,2m, giáp đất bà Kh, ông Đ

Tổng diện tích: 446m<sup>2</sup>

- Tài sản trên thửa đất số 11x, tờ bản đồ y gồm: 05 cây sầu riêng năm thứ 7 và 01 cây mai năm thứ 5

(Toàn bộ tài sản tranh chấp đã được xác định tại các Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/01/2002, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 06/3/2020 và kết quả đo đạc hiện trạng các thửa đất tranh chấp ngày 13/5/2020 kèm theo)

Anh L phải trả cho chị A  $\frac{1}{2}$  giá trị khối tài sản chung với số tiền là: 220.698.000đ (hai trăm hai mươi triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị A có đơn yêu cầu thi hành án mà anh L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

3. *Về án phí*: Chị A phải chịu án phí DSTT trong vụ án ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ và số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000649 ngày 19/6/2020

Chị A và anh L mỗi người phải chịu án phí trong vụ án dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.035.000đ (mười một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Anh L được khấu trừ vào số tiền 2.750.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002517 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

4. *Chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 7.382.000đ. Do anh L đã nộp toàn bộ tiền tạm ứng tại toà án, nên chị A phải trả lại cho anh L số tiền là 3.691.000đ (ba triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng).

*Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(đã ký)

**DƯƠNG HÀ NGÂN**